

HÀNH HƯƠNG ĐẤT PHẬT.

(A PILGRIMAGE TO THE LAND OF BUDDHA).

13. VƯỜN NAI SARNATH, NƠI SINH CỦA PHẬT GIÁO.

Nguyễn Xuân Quang.



*

Sau khi viếng thăm Thành Xá Vệ, ngày hôm sau chúng tôi về phi trường Lucknow, thủ đô của bang Uttar Pradesh, cách đó không xa để chia tay. Mỗi người đi mỗi ngả. Có người về thẳng nhà. Có người tiếp tục đi thêm: người đi Taj Mahal, người đi Kathmandu... Chúng tôi trở lại New Delhi để đến thăm Bảo Tàng Viện Quốc Gia New Delhi chiêm ngưỡng xá lợi Phật như đã nói ở trên và dự lễ hội Holi để nghỉ ngơi trước khi về nhà.

VƯỜN NAI (LỘC UYỂN) SARNATH.

Chuyến đi này còn thiếu một di tích Phật thiêng liêng trong ‘tứ động tâm’ chưa đi là Vườn Nai Sarnath. Có lẽ Sarnath được thay thế bởi chuyến đi yết kiến riêng Đức Dalai Lama ở Dharamsala.

May mắn là lần viếng thăm Varanasi lúc trước chúng tôi đã tới viếng thăm Sarnath.

Vườn Nai hay Lộc Uyển (Sarnath hay Isipatana) là nơi Đức Phật Tổ Cồ Đàm Siddharta Gautama thuyết pháp đầu tiên cho năm vị môn đồ sau khi ngài thành đạo vào năm 528 Trước Tây Lịch. Đây là **nơi sinh, nơi khai sinh của Phật giáo.**

Tên Gọi

Sarnath: Đất Hươu.

Danh từ Lộc Uyển được dịch nghĩa từ tiếng Pāli là Sarnath (vua của loài nai); Tên Sarnath (Sarangnath, Isipatana, Rishipattana, Migadaya hay Mrigadava) phát gốc từ Phạn *Sāranganaṭha* hay Pali *Sārangnāth* có nghĩa là “Lord of the Deer” (Chúa Hươu). Phạn ngữ सरङ्ग saraGga, kind of antelope (một loài sơn dương). Sarnath có sarn- liên hệ với gốc Phạn ngữ **zArGga, làm bằng sừng, biến âm với Việt ngữ gạc (sừng), với Anh ngữ hart, hươu sừng, hươu đực. Sarnath có sar- biến âm với Việt ngữ sấu là cứng [ngô sấu là ngô cứng, sáo sấu = sáo đá (cứng như đá), là sừng: ‘xin khúc đầu những xương cùng sấu’]**.

Còn -nath là địa điểm, địa chỉ biến âm với Việt ngữ đất (n = d). Như thế Sarnath là Đất Hươu Sừng, **hươu gạc, chúa tể loài hươu. Ví dụ tiêu biểu là Kì Dương Vương, Vua Hươu Sừng Đực của Việt Nam (Kì là kẻo, là hèo, là hươu và Dương ở đây hiểu theo nghĩa là đực).**

Theo một truyền thuyết Tiên Kiếp Phật nơi đây là một khu rừng có nhiều hươu nai sống. Vua Benares thường đến đây săn bắn. Nhưng có một điều lạ là loài hươu nai ở đây rất tinh khôn, vua đi nhiều lần nhưng toàn là về tay không. Tức giận vua ra lệnh đốt khu rừng để giết hết hươu nai. Bỗng dưng có hai con hươu đầu đàn (tiền thân của Đức Phật và Đề-bà-đạt-đa) tới gặp vua xin đừng đốt rừng và hứa dâng vua một con hươu hay nai khi vua làm yến tiệc. Vua bằng lòng. Từ đó hươu nai trong đàn phải luân phiên bị hy sinh cho đàn nai sống còn. Một ngày nọ đến lượt một con nai mới mang thai. Thương con trong bụng, nai này đến xin Chúa Hươu cho mình hoãn lại đợi cho tới ngày sau khi sinh con xong. Nghe xong Chúa Hươu quyết định hy sinh mạng sống của mình để thế mạng cho con nai cái đang có thai đang được dự trù để đem đi giết làm tiệc cho vua. Khi thấy Chúa Hươu tới dâng mạng sống của mình, vua ngạc nhiên. Sau khi biết rõ uẩn khúc, động lòng vua bãi bỏ việc giết hươu nai làm yến tiệc và biến khu rừng thành một nơi nương náu cho hươu nai. Khu rừng đó là Đất Hươu Chúa Sarnath ngày nay.

Biệt Danh Isipatana: Đất Thánh Nhân Trút Bỏ Xác Phàm.

Đây là biệt danh dùng trong kinh thư Pali có Pali isi, Phạn ngữ rishi: thánh nhân, thiên nhân, tiên nhân, người giác ngộ và patina: rơi xuống. Theo kinh tạng Pāli nơi đây có 500 thiên nhân, bậc giác ngộ thành quả ở cõi trên rồi buông bỏ xác thân tứ đại rơi xuống đây. Vào thế kỷ thứ VII, khi ngài Huyền Trang đến chiêm bái thánh tích này, Ngài cho biết có một bảo tháp được xây để đánh dấu nơi xác thân của 500 vị này, ngày nay bảo tháp này không còn nữa.

Điểm này thấy rõ qua tượng Phật tại đây có hai vị nhà trời ở vầng hào quang trên đầu Phật (xem dưới).

Mrigaday: Công Viên Mang Nai.

Mrigadaya là Công Viên Nai. Phạn ngữ *mRga*, hươu, nai chính là Việt ngữ *mang*, *mễn*, một loài có lông vàng.

Thầy Huyền Trang dựa theo Nigrodhamiga Jātaka (J,i. 145ff) cho rằng Mrigadaya, vốn là một khu rừng do vua xứ Benares cho lập ra làm nơi cho hươu nai nương náu. Có lẽ dựa vào truyện tiền kiếp Phật đã nói ở trên.

Nơi đây thanh tịnh khi chưa thành đạo Đức Phật và năm anh em Kiều Trần Như đã từng tu khổ hạnh ở khu rừng này.

Tóm lại

Ta phải hiểu nơi khai sinh ra Phật giáo này theo thứ tự thời gian là: **Isipatana**, theo kinh tạng Pāli là nơi đây các thiên nhân, bậc giác ngộ thành quả (như Đức Phật) ở cõi trên rồi buông bỏ xác thân tứ đại rơi xuống cõi trần (kinh tạng Pali của Phật giáo nguyên thủy còn lưu giữ lại nhiều điểm mang tính ‘nguyên thủy’ hơn kinh đại thừa mang nhiều tính bác học). Thứ đến là tên **Sarnath** là Đất của Chúa Tể Hươu, một Bồ-tát tiền thân Phật và sau cùng là Mrigadaya Công Viên Nai. Mrigadaya có lẽ nghiêng về con mang cái có thai, có mang (mang cũng có một nghĩa là có thai: mang thai).

Như thế cả ba tên đều liên hệ với Đức Phật: nơi các vị đại giác ngộ như Đức Phật, Đấng Chứa Hươu tiền thân Phật và Công viên Nai, con nai mang thai được thể mạng bởi Bồ tát Hươu tiền thân Phật.

Nếu dùng từ Lộc Uyển, Vườn Nai là dùng theo từ Mrigadaya, Công Viên Mang Nai. Còn dùng theo duy dương dùng từ Sarnath thì phải hiểu là Đất Hươu Sừng, Hươu Chứa.

Lưu Ý

Hươu hay Nai?

Tôi thường thích dùng từ **Nai** thay vì từ **Hươu**. Nai chỉ con cái mang âm tính nên thích hợp với Phật giáo mang tính Tĩnh, âm. **Nai** biến âm mẹ con với **nái** có nghĩa là cái (heo nái), phái nữ, mẹ. Nai cái mang âm tính không có sừng (ngoại trừ loài tuần lộc reindeer con cái có sừng).

Hơn thế nữa như đã nói ở trên Sarnath liên hệ tới con mang cái đang mang thai được Chứa Hươu định thể mạng để cứu. Vì thế Phật giáo dùng biểu tượng nai nái nhiều hơn là hươu (đực). Ta thấy rõ qua các hình nai không có sừng ở Sarnath này:



Năm vị môn đệ đang cung nghinh Bánh Xe Pháp với hình hai con nai (nguồn: Wikipedia).

Các chùa Phật giáo Tây Tạng cũng thường có biểu tượng nai không có sừng rất nhiều.



(hình chụp tại Điện Phổ Đà La Potala, Lhasa, Tây Tạng).

Trong khi con đực gọi là hươu. Con hươu là con hiêu, con hèo, con cọc, con nọc, con gạc, con đực. Anh ngữ hươu đực gọi là hart biến âm với gạc (h = g như hóa chồng = góa chồng) là sừng. Con hart là con gạc.

Như thế vườn Nai Lộc Uyển dù gì thì cũng mang một ý nghĩa thiêng liêng trong tín ngưỡng, trong Phật giáo.

Tại Sao Phật Chọn Sarnath?

Như đã biết Đức Phật là người biết chọn những chỗ nào để tu tập, để thành đạo, để hoằng Pháp. Ngài đã chọn Sarnath cũng không phải là không có mục đích. Có thể ngài đã chọn vì những lý do sau đây. Sarnath là:

+ Nơi của các thiên nhân, bậc đại giác ngộ như đã nói ở trên.

+ Chúa Hươu, một vị Bồ-tát tiền thân Phật trong tiền kiếp Phật như đã nói ở trên.

+ Chỗ quen thuộc: như đã nói ở trên nơi đây khi chưa thành đạo Thái tử Tất Đạt Đa và năm anh em Kiều Trần Như đã từng tu khổ hạnh ở khu rừng này.

Ngài có ý sẽ cải hóa họ thành đệ tử của mình rồi phải đi khắp nơi để hoằng Pháp Phật giáo.

+ Một linh địa.

Trong kinh Mahaparinibbana Đức Phật có nhắc tới Sarnath là một trong bốn nơi thiêng liêng mà các Phật tử phải viếng thăm và tôn kính.

+ Một nơi tâm linh, văn hóa, tư tưởng, học thuật, thương mại, cổ đại.

Sarnath chỉ cách Varanasi 13 cây số về phía Đông Bắc thuộc bang Uttar Pradesh, Ấn Độ. Varanasi ngày xưa gọi Kashi hay Banares, một thành phố có người ở liên tục cổ nhất thế giới (trên 5.000 năm) bên bờ sông Hằng (Ganga). Varanasi đã được nhắc tới trong kinh Vệ Đà và trong trong sử thi Mahabharata. Đây là một thành phố thần thánh nhất, nằm trong 7 thành phố thiêng liêng của Ấn Độ về Ấn giáo, Jain giáo. Varanasi

thường được cho là ‘thành phố của đèn đài’, ‘thủ đô tâm linh tín ngưỡng’ của Ấn Độ...

+ Nơi có dòng sông Hằng thiêng liêng.

Sarnath nằm gần chỗ hợp lưu của Sông Hằng và sông Varuna.

Như đã biết theo các tôn giáo của Ấn Độ Sông Hằng là dòng sông vũ trụ thiêng liêng chảy qua tam thế, một dòng chảy luân hồi, sinh tử, tái sinh, vĩnh hằng. Một dòng sông tẩy rửa, thanh khiết tội lỗi cho người sống. Một dòng sông thiêng cứu rỗi, siêu thoát cho người chết, có thể biến tro than người chết tái sinh, chuyển sinh trong vòng luân hồi hay giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Đối với Đức Phật dĩ nhiên Ganga cũng là một dòng sông vũ trụ thiêng. Đức Phật dùng châu thổ Sông Hằng vùng Himalaya làm linh địa, địa bàn hoạt động. Sông Hằng là Sông Vũ Trụ. Như đã biết Đức Phật có cốt vũ trụ. Đức Phật cũng đã từng nhắc tới Sông Hằng khi giảng Pháp: *“Trong vũ trụ bao la có Hằng Hà sa số thế giới cùng với vô lượng, vô biên chúng sanh”*.

+ Nơi có nhân hòa.

Varanasi có các vị vua và các thương nhân giàu sang có thể giúp hỗ trợ Đức Phật. Quả thật như vậy về sau Phật giáo ở Sarnath nở rộ huy hoàng cũng một phần nhờ các vị này.

Sarnath là chỗ lý tưởng nhất để cho Phật giáo ra đời.

Đức Phật Là Một Đại Y Sư Của Loài Người.

Đức Phật hiển nhiên là một thầy thuốc vĩ đại của loài người. Bệnh tật của loài người qui về ba nhóm chính là: bệnh thể xác, bệnh tâm thần và bệnh xã hội. Đạo Phật hiển nhiên là một trị liệu cho con người nhất là các bệnh tâm thần và xã hội. Bằng chứng cụ thể là người Trung Hoa từ thượng cổ đã biết chữa trị bệnh thể xác bằng cây cỏ và bằng giải phẫu (như Hoa Đà đã mổ ung nhọt). Chữa trị bệnh xã hội bằng Khổng giáo có thể coi là có thuốc chữa. Chữa bệnh tâm thần bằng Lão giáo chưa đủ. Bệnh tâm thần chưa có thuốc chữa hữu hiệu vì thế phải du nhập Phật giáo vào Trung Quốc để chữa cho tâm thần được an lạc: *‘Bụt trong nhà*

không thờ, thờ Thích Ca ngoài đường'. Ta thấy rõ điểm này qua sự kiện là Phật giáo phát triển huy hoàng nhất ở Trung Hoa.

Ở đây trong phạm vi Chuyển Pháp Luân chỉ xin giới hạn nói một chút qua lăng kính Tứ Diệu Đế. Diệu là tuyệt diệu, huyền diệu còn Đế là gì? Theo Thiệu Chử Hán Việt Từ Điển thì:

諦 **đế, đề**

· 1 : Xét kỹ, rõ. Như đế thị 諦視 coi kỹ càng.

· 2 : Chữ nhà Phật dùng như nghĩa chữ chân ngôn 真言. Như tham thấu lẽ thiên gọi là đắc diệu đế 得妙諦 được phép rất màu. Nhà Phật nói đời người là khổ, đúng là khổ, thế là khổ đế 苦諦. Sở dĩ phải khổ là vì trước đã làm nhiều nhân xấu như tham lam, giận dữ, ngu si nó gom góp lại thành các nỗi khổ, thế là tập đế 集諦. Muốn cho khỏi khổ, cần phải tới cõi Niết bàn tịch diệt, không còn một tí gì là khổ, thế là diệt đế 滅諦. Muốn được tới cõi Niết bàn, cần phải tu đạo, thế là đạo đế 道諦, bốn điều này đúng thực không sai, nên gọi là tứ đế 四諦.

Ta thấy “bốn điều này đúng thực không sai” dịch sang Anh ngữ là “Four Noble Truths). Mặt khác ta thấy những điều đúng sự thật không chối cãi được nữa gọi là **định đề**. Ví dụ như trong hình học có định đề về hai đường song song. Như vậy để dễ hiểu và dễ nhớ ta có thể nói là **Tứ Diệu Định Đề** (Bốn Sự Thật Tuyệt Diệu), Ta cũng thấy ở trên theo Thiệu Chử Đế cũng phát âm là Đề như vậy nếu muốn ta có cũng có thể gọi là **Tứ Diệu Đề**, Bốn Định Đề Tuyệt Vời (nhớ đừng lầm lẫn với đề có một nghĩa là khóc: dạ đề là khóc đêm).

Tóm lại để dễ hiểu và dễ nhớ Tứ Diệu Đế có thể coi như tương đương với Tứ Diệu Định Đề, Tứ Diệu Đề, Bốn Sự Thật Tuyệt Diệu.

Đức Phật đã chẩn đoán, chữa trị căn bệnh khổ đau của loài người qua Tứ Diệu Đế. Đức Phật đã nhận thấy căn bệnh chính của loài người là Khổ Đau, tìm ra nguyên nhân bệnh, hoạch định cách chữa trị và trị liệu.

Bây giờ ta hiểu nghĩa theo nôm na dựa vào gốc Phạn ngữ, Pali xem thực hư như thế nào?

1. **Khổ Đế** (*dukkha*).

Dukkha có:

+ tiền tố ‘du-’ là ‘bad’ or “difficult” .

.Với nghĩa là xấu ‘bad’ thì du-, dus ~ Việt ngữ đau (bệnh, khó ở, bất an), đau ốm, đau yếu, đau đốn, đau nhức, đau khổ, đau thương...

.Với nghĩa ‘difficult’, khó khăn: ta có từ đôi đồng nghĩa khốn khó → khó = khốn. Khốn có một nghĩa xấu như nguy khốn, nghèo khốn, khốn đốn, khốn kiếp, khốn nạn, đờ khốn, thằng khốn...).

Như vậy duk- có nghĩa là đau khổ, khốn khó.

+ gốc kha: “empty”, trống không. Về sau kha trong Phạn ngữ nghĩa là ‘bầu trời’, ‘khí ether’ hay ‘không gian’ có nguồn gốc là từ chỉ ‘lỗ hổng’ (the word *kha*, in later Sanskrit meaning “sky,” “ether,” or “space,” was originally the word for “hole”). Đây chính là nghĩa của từ *không*, *hư không*, *trống không*, lỗ không *hư vô* trong vũ trụ giáo. Hư không là khởi nguyên của sự sinh và cũng là tận cùng của tử. Con người sinh ra từ hư không khi chết lại trở về với hư không. Kha ‘empty’ hư không là vòng sinh tử, luân hồi.

Như vậy dukkha có nghĩa đau (đốn, bệnh tật, khổ sở, bất an...) khó (khó ở, khó chịu, khốn khó) trong vòng sinh tử, luân hồi luân lưu muôn vàn kiếp vô cùng tận.

Một sự thật không chối cãi như một đế, một đề, một định đề là con người và khổ đau, khốn khó là một. Con người không một ai không có bệnh. Từ khi còn là trong trứng nước cho tới khi lìa đời đã mang trong người mầm mống khổ đau, bệnh tật.

Tất cả con người đã mang trong người dòng bệnh luân lưu trong vòng sinh tử, luân hồi mặc dầu chúng ta không biết.

Trăng rặng đến thuở bạc đầu,

Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần?

(Chết, sống, sợ, hãi)

(Nguyễn Gia Thiều, Cung Oán Ngâm Khúc).

Chúng ta tưởng mình khỏe mạnh nhưng thật ra không phải là như vậy...

Khổ Đế là sự đau khổ, khổn khó, bất an... luân lưu trong vòng sinh tử, luân hồi.

Đời là đau khổ, là bể khổ.

2. Tập Đế (samudaya).

Tại sao gọi là Tập đế mà giảng nghĩa là nguyên nhân? Phạn ngữ samudaya समुदयः (có gốc samuha: nhóm, chòm, tụ tập, tập hợp) có một nghĩa là ‘aggregate of the constituent elements or factors of any being or existence’: tập hợp các yếu tố cấu tạo, sinh ra hay các phần tử của sinh mạng hay hiện hữu: Sam- biến âm với Anh ngữ sum với nghĩa là “aggregate of two or more numbers” is from early 15c (tập hợp của hai số hay hơn từ đầu thế kỷ 15) và với Việt ngữ xum (xum tụ, xum hợp, xum vầy), với cùm, chòm, chòm, xóm. Tập hợp hay chòm, nhóm các yếu tố tạo ra Khổ, thường dịch là nguồn gốc hay nguyên nhân. Aggregate còn có nghĩa là những ràng buộc (chúng ta vào khổ) (có cùng nghĩa trong Five Aggregates: Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là nguyên nhân của đau khổ).

Tập hợp những yếu tố sinh ra, những ràng buộc, vướng mắc, bám víu... là nguyên nhân của đau khổ.

3. Diệt Đế (nirodha).

Nirodha có gốc nir- với nghĩa tiêu cực (không, không còn, hết...) liên hệ với Mường ngữ no, Việt ngữ nở, nọ (không) (Liên Hệ Việt Ngữ với Ấn Âu Ngữ) cùng gốc chung với Nirvana, Niết Bàn. Theo n = d ta có nir- = niết = diệt (hủy diệt, tiêu diệt, tận diệt...). Nirodha có nghĩa là ngăn chặn, kiểm soát, phòng ngừa (nirodhaka: condom, bao phòng ngừa bệnh tình dục...).

Như thế Diệt đế là sự tiêu diệt, sự chấm dứt, ngăn ngừa, phòng ngừa.

Khổ có thể chấm dứt được, diệt được bằng cách thoát ra khỏi tập hợp nguyên nhân và sự ràng buộc gây ra *khổ*.

Có thể chấm dứt được Khổ bằng cách thức nào? Đó là con đường giải thoát, đạt Đạo.

4. Đạo Đế (maggā).

Maggā cùng gốc với maggala, maggalya có nghĩa là ‘anything fortunate’ (bất cứ thứ gì may mắn), ‘auspicious’ (tốt lành, an lành), ‘amulet’ (bùa) (Bùa từ thuở sơ khai đã là một cách trị bệnh, một liều thuốc trị bá bệnh như bệnh thân xác (uống bùa làm băng cây cỏ ma dược trị đau nhức), bệnh tâm thần (bùa trừ tà, trừ ma quỷ ám) và trị bệnh xã hội (bùa yêu, bùa hạnh phúc)...

Nói chung là những thứ đem lại an lành, tốt đẹp, an lạc không còn đau khổ.

Ta thấy rất rõ maggā với nghĩa tốt lành, an lành, tốt đẹp, an lạc không còn đau khổ chữa trị được duk- có nghĩa là đau khổ, khổn khổ.

Dịch nghĩa maggā là Đạo, nghĩa đen là con Đường, cách thức (way). Hiểu theo tín ngưỡng Đạo là giáo lý, chân lý. Trong Phật giáo Đạo là nguyên lý cuối cùng của vũ trụ: thành Đạo, đạt Đạo, đắc Đạo đồng nghĩa với giải thoát, giác ngộ, đạt Niết Bàn.

Nói ngược lại con đường, **Đạo** (Bát Chánh Đạo) là con đường dẫn đến sự từ bỏ, sự đoạn **Diệt** tất cả **Tập** hợp những nguyên nhân của **Khổ đau** (dukkha).

Chấm dứt được Khổ qua Bát Chánh Đạo.

Tóm lại:

Nói một cách nôm na dễ hiểu, dễ nhớ theo nghĩa gốc của Phạm ngữ thì: **Khổ Đau** là bệnh của loài người do một **Tập** hợp, tập thể những yếu tố, những ràng buộc con người gây ra gọi là nguyên nhân. Thấy được nguyên nhân, căn nguyên bệnh là có thể lên kế hoạch dự phòng, dự hậu để tiêu **Diệt** bệnh. Con đường hoặc cách thức hay nhất diệt bệnh để đạt được tốt lành, an vui là đạt **Đạo**, là giải thoát, giác ngộ, đạt Niết Bàn.

Nhìn dưới lăng kính Tứ Diệu Đế của Đức Phật ta thấy cách chữa bệnh của y học ngày nay đúng y hệt: **Đoán bệnh**: nhân diện ra mặt bệnh (Khổ

Đế), **chẩn bệnh**, tìm nguyên nhân bệnh (Tập Đế), **định bệnh**: định liệu phòng ngừa, dự hậu (prognosis) (Diệt Đế) và **trị bệnh**: tìm đường chữa trị (Đạo Đế).

Hiển nhiên Đức Phật là một Đại Y Sư của loài người.

Bánh Xe Pháp.

Ở trên ta đã thấy hình tượng năm vị môn đệ đang cung nghinh Bánh Xe Pháp với hai con nai.



(nguồn: Wikipedia).

Chúng ta đã được nghe giảng nhiều về bánh xe Pháp theo giáo lý Phật giáo, ở đây tôi xin nhìn dưới lăng kính vũ trụ giáo qua tín ngưỡng Đông Sơn xem có soi sáng thêm được gì không?

Tâm bánh xe nhìn theo Phật giáo có bốn ‘cầm’ bánh xe có thể ở đây diễn đạt Tứ Diệu Đế, bài Pháp đầu tiên Đức Phật giảng tại đây. Nhìn rộng ra thêm có thể diễn tả thêm là Tứ Đại (Lửa, Nước, Khí, Đất) bản thể của con người, tiểu vũ trụ và của cả Đại Vũ Trụ (con người là tiểu vũ trụ con của đại vũ trụ). Tứ Diệu Đế nói về Khổ của con người hiển nhiên liên hệ với tới Tứ Đại (nước, lửa, khí, đất) cấu tạo nên con người, tạo nên thân xác con người. Phần thân xác tức phần Sắc trong Ngũ Uẩn.

Như thế bánh xe pháp với 4 cầm xe nhìn theo nghĩa Chuyển Pháp Luân ở đây mang nghĩa Tứ Diệu Đế nhưng nhìn theo triết lý Phật giáo tổng quát mang thêm ý nghĩa cũng liên hệ với Tứ Đại cấu tạo nên vũ trụ và con người.

Ta cũng thấy rất rõ khi quay bánh xe Pháp chữ thập + Tứ Đại chuyển động sinh ra chữ Vạn. Đây chính là chữ Vạn (卐) trên ngực Đức Phật mang ý nghĩa vũ trụ tạo sinh, vũ trụ, mặt trời và nhiều ý nghĩa khác trong tín ngưỡng, văn hóa khác trong đó có cả Phật giáo như đã biết (xem Hành Hương Đất Phật: Vườn Lâm Tì Ni).

Phần còn lại của mặt bánh xe là ba vành tròn đồng tâm biểu tượng tam thế.

Bánh xe Pháp diễn tả trọn vẹn qui trình Vũ Trụ Tạo Sinh dựa trên nòng nọc, âm dương, dịch lý.

Bây giờ ta hãy đối chiếu với tín ngưỡng, văn hóa Đông Sơn. Như đã biết trống đồng Đông Sơn là trống biểu tượng của vũ trụ giáo, mặt trời giáo, văn hóa Chim-Rắn, Tiên Rồng Việt Nam (Giải Đọc Trống Đồng Đông Sơn).

Nhìn thoáng qua ta thấy bánh xe pháp này trông giống một mặt trống đồng Đông Sơn có mặt trời 4 nọc tia sáng nằm trong vòng tròn không gian diễn tả mặt trời-không gian, Càn Khôn, Vũ Trụ.

Bốn tia sáng (cầm xe Pháp) chữ thập + ứng với Tứ tượng, Bốn Nguyên Sinh Động Lực Chính (Four Great Primary Forces) khi chuyển động thành tứ hành (four elements). Tứ hành dương và âm liên tác thành tám tượng (tám quẻ, bát quái) (vì thế có bánh xe Pháp có 8 cầm xe và được hiểu theo Phật giáo là Bát Chánh Đạo) tạo ra tam thế, vũ trụ muôn vật, muôn sinh, vô lượng thế giới...

Chân đế bánh xe Pháp hình trụ vuông. Như đã biết các bộ Phật, Phật đài thường diễn tả đỉnh Núi Vũ Trụ Tu Di/Meru. Tác giả Trần Thanh Lý trong Lịch Sử Phật Giáo Qua Tem Bưu Chính gọi là ‘Bục Đá’:



Cây Bồ Đề dưới dạng một mầm lá mọc trên ‘bục đá’ đỉnh Núi Vũ Trụ Tu Di/Meru hình trống đồng Đông Sơn.

Và cũng xác thực:

Nếu là một *bục đá*, biểu hiệu của đỉnh núi
Tudi (*Meru*).

Bánh xe Pháp để trên bệ đỉnh núi vũ trụ cũng xác thực bánh xe Pháp mang ý nghĩa biểu tượng vũ trụ.

Để bánh xe Pháp hình vuông là một biến dạng của trống đồng tròn có mandala tròn (hình vuông là dạng thái dương của vòng tròn). Nhìn cả bánh xe và chân đế mang hình ảnh một trống đồng Đông Sơn với mặt trống lật lên.

Như vậy đối chiếu trống đồng Đông Sơn, trống biểu của vũ trụ giáo rõ như hai năm là mười bánh xe Pháp có một khuôn mặt biểu tượng vũ trụ tạo sinh, vũ trụ, gồm có con người tiểu vũ trụ là con của đại vũ trụ.

Rõ như ban ngày bánh xe pháp với 4 cãm xe ứng với Tứ Diệu Đế/Tứ Đại khi được Đức Phật chuyển luân chuyển cái Khổ, cái Thân Xác của con người tiểu vũ trụ giúp siêu thoát vào đại vũ trụ tinh khôi. Trở về với Phật có cốt là Phật Người Tiểu Vũ Trụ và Phật Đại Vũ Trụ.

Như vậy ta thấy có nhiều loại bánh xe pháp cần phải phân biệt tùy theo số cãm xe và các trang trí khác giống như trống đồng Đông Sơn có nhiều loại mặt trời có số nọc tia sáng khác nhau mang ý nghĩa khác nhau trong vũ trụ tạo sinh.

Phật giáo và tín ngưỡng Đông Sơn tương đồng khăng khít với nhau vì cùng liên hệ mật thiết với vũ trụ giáo.

Đệ Tử Đầu Tiên Thành Chánh Quả.

Như đã biết một nhóm thầy tướng Bà La Môn được mời tới xem tướng Phật khi ngài mới sinh. Các thầy tướng cho rằng lớn lên Đức Phật sẽ trở thành một Đại Vương hay một Bạc Đại Giác Ngộ. Trong nhóm này có một vị trẻ tuổi nhất nhưng thông tuệ nhất tên là Kondañña (Kiều Trần Như) nói thẳng không dè dặt, quả quyết là thái tử sẽ thành một đấng Đại Giác Ngộ. Về sau nghe thái tử đi tu tìm học đạo với hai đạo sĩ Bà-la-môn đầu tiên là Udaka Ramaputta (Rāmaputra Udraka) và Alara Kalama, Kiều Trần Như và bốn người bạn nữa theo thái tử tu hành theo cách khổ hạnh. Thái tử đã trải qua sáu năm tu hành khổ hạnh cực đoan tại hang

Tu Khổ Hạnh Dungeshwari rồi nhận ra rằng không đi tới đâu bèn chuyển qua cách tu Trung Đạo Thiền Định. Kiều Trần Như và bốn người bạn thất vọng rời bỏ ngài đi về Vườn Nai Isipatana này. Khi Đức Phật giác ngộ, sau khi thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày Ngài trở lại Isipatana gặp lại 5 tu sĩ cũ. Tại đây, ngài nói về tu Trung Đạo và giảng bài Pháp đầu tiên về bốn chân lý căn bản của triết thuyết Phật giáo là Tứ Diệu Đế gọi là kinh Chuyển Pháp Luân ('quay bánh xe Pháp') Dharmacakkappavattana sutta (có cakka là bánh xe, có ca- là cộ, là car).



Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên Chuyển Pháp Luân cho 5 đệ tử.



Bảng đá Kinh Chuyển Pháp Luân bằng tiếng Việt tại Vườn Nai Sarnath.

Kiều Trần Như về sau trở thành một A-la-hán rồi sau đó các vị kia cũng thành chánh quả.

Tăng Già Đoàn (Shanga) Đầu Tiên.

Tại đây năm đệ tử họp lại. Đoàn Tăng già đi hoằng pháp khắp nơi đầu tiên thành hình (trong khi ở Vườn Trúc Lâm mới chỉ trong nội bộ). Ba Ngôi Báu, Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng đầu tiên.

Về sau Tăng già đoàn lên tới 60 vị A La Hán, được Phật phái đi khắp nơi truyền đạo Pháp.

Sau đó, ngay vào thế kỷ thứ 2 Trước Tây Lịch, Vườn Nai đã là nơi hội tụ một cộng đồng tu sĩ Phật giáo lên tới hai ngàn người với rất nhiều chùa, tu viện.

Vào thế kỷ thứ bảy, Thầy Huyền Trang tới viếng Sarnath, ghi nhận là có tới 30 tu viện và 3.000 nhà sư sống tại Sarnath.

Các Nơi Hiện Nay Nên Thăm Viếng.

-Chùa Mulagandhakuti

Mulagandhakuti (Chòi Cỏ Thơm Nguyên Thủy hay Chòi Cỏ Thơm Đứng Đầu) là địa danh, nơi Đức Phật ở trong mùa mưa đầu tiên ở Sarnath (Phạn ngữ Mulagandhakuti có Mula: nguyên thủy, đầu tiên, gốc, gandha-, mùi, hương thơm và kuti, lều, chòi, đỉnh cao).



Chùa Mulagandhakuti Vihara, Sarnath.



Tháp chùa mang hình bóng Núi Vũ Trụ, Núi Thế Gian Meru tương tự như ở Bồ Đề Đạo Tràng. Lưu ý có hình Bánh Xe Pháp ở cổng nhỏ (ảnh của tác giả).

Chùa và tu viện mới Mulagandhakuti Vihara xây năm 1930 bởi Hội Đại Bồ Đề Mahabodhi Tích Lan (Sri Lanka). Trong chùa có những tranh tường rất nổi tiếng vẽ về cuộc đời Đức Phật do một nghệ sĩ người Nhật, ông Koseinu Nosu vẽ năm 1936.

Nghe nói trong chùa có giữ xá lợi Phật.

Phía sau tu viện là Vườn Nai, hiện nay hươu nai vẫn còn thấy.



Tượng Phật bằng vàng tại chùa Mulagandha Kuti Vihar.

Phật giảng Pháp lần đầu, hai bàn tay làm thủ ấn quay bánh xe Pháp. Tượng này làm sao chép lại tượng thật thế kỷ thứ 5 tại Varnath, hiện để trưng bày tại Bảo Tàng Viện Varnath (xem dưới).

-Cây Bồ Đề.

Một cây Bồ Đề cổ thụ trồng bởi Anagarika Dharmapala lấy từ cành của cây Bồ Đề ở Tích Lan được cho là cây con của Cây Bồ Đề mà Đức Phật đã ngồi khi đạt tới giác ngộ ở Tòa Kim Cương ở Bồ Đề Đạo Tràng.



Cây Bồ Đề cổ thụ.

-Phế Tích Sarnath.

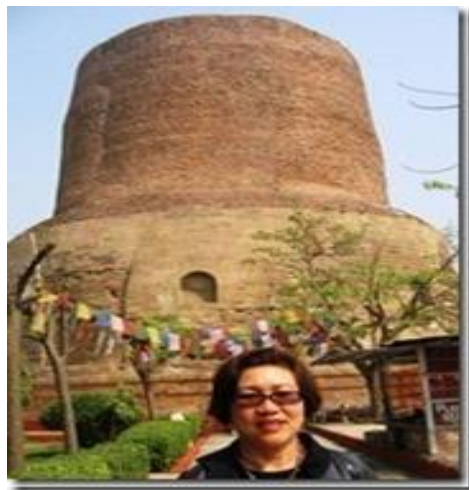
Vào cuối thế kỷ thứ 12, người Hồi giáo Thổ san bằng Sarnath.

Các phế tích hiện nay còn thấy:

+Tháp Dhamekh

Tháp Dhamekh ở Vườn Nai xây vào thế kỷ thứ 5 Sau Tây Lịch bởi vua Ashoka. Tháp có chạm trổ hoa lá và hình hình học và cho là có để các xá lợi Phật bên trong.

Tháp trông tương tự như một cái bầu nậm nòng nọc (âm dương) có phần cổ là nọc, dương và phần bầu đáy âm, nòng mang trọn vẹn ý nghĩa vũ trụ tạo sinh.



Tháp Dhamekh ở Sarnath Ấn Độ.

+ Những tu viện cổ gần Tháp Dhamekh.

Ngày nay chỉ còn nền móng.



(nguồn Wikipedia).

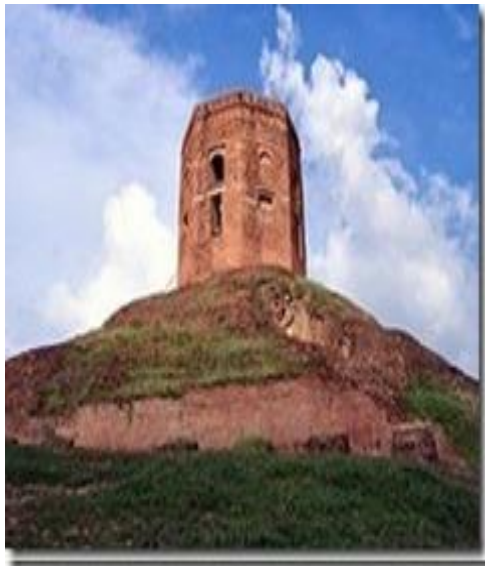
+Tháp Dharmarajika



(nguồn: asiaexplorers.com)

Đây là một trong vài tháp tiền-Ashoka còn sót lại, mặc dầu chỉ còn lại phần nền móng. Phần trên đã bị lấy đi làm vật liệu xây cất đem về Varanasi vào thế kỷ 18. Những di hài tìm thấy trong tháp bị đem ném xuống sông Hằng.

+ Tháp Chaukhandi



Tháp Chaukhandi (nguồn Wikipedia).

Tháp được dựng lên để tưởng niệm chỗ Phật gặp 5 đệ tử, làm từ thế kỷ thứ 5 hay sớm hơn và sau đó sửa lại thành tháp bát giác theo phong cách Hồi giáo.

-Phế tích Mulagandhakuti vihara đánh dấu chỗ Đức Phật ở lại vào mùa mưa đầu tiên. Chùa mới Mulagandhakuti Vihara đã nói ở trên.

+ Trụ Pháp Ashoka.

Hoàng đế A Dục Ashoka ghi dấu lần viếng thăm Sarnath của mình đã cho dựng Trụ Pháp Ashoka ở Sarnath vào thế kỷ thứ 3 Trước Dương Lịch. Trụ bị phá hủy lúc người Hồi Thổ xâm lăng. Ngày nay chỉ còn gốc trụ.



(nguồn Wikipedia).

Phần đỉnh bị gãy rời ra có hình sư tử hiện để trưng bày tại Bảo Tàng Viện Sarnath.

Theo Phật giáo, trụ tháp là biểu tượng của Trục Vũ Trụ và trục mỗi ngày mọc lên từ hồ huyền thoại Anavatapta (theo vũ trụ luận của Phật giáo thì hồ là trung tâm của vũ trụ) cho tới khi dựng tới mặt trời. Đối chiếu với tín ngưỡng trồng đồng Đông Sơn thì trụ Ashoka này tương ứng với trụ trồng mọc từ vùng nước cõi âm hạ thế để trồng lên tới mặt trời ở mặt trồng thượng thế.

Ta thấy rõ cả hai đều mang hình ảnh của Trục Vũ Trụ trong Vũ Trụ giáo.

Đối chiếu với truyền thuyết và cổ sử Việt thì trụ Ashoka cũng như trụ trồng dựng tới mặt trời giữa trưa chính là hình bóng của Kỳ Dương Vương, Vua Mặt Trời Thượng Đỉnh. Kỳ có một nghĩa là Kè là Trụ. Dương hiểu theo nghĩa mặt trời thì Kỳ Dương là Trụ Mặt Trời chính là Trụ giữa trưa dựng tới mặt trời ở đây. Đây là lý do truyền thuyết cũng nói la Kỳ Dương Vương có phép thần có thể đi lại tam thế (dĩ nhiên bằng trục thế giới nối liền tam thế) nên xuống được cõi nước âm hạ thế lấy được Long Nữ con của Long Vương.

Đỉnh đầu Trụ Pháp gồm có ba phần:



Đầu trụ Pháp Ashoka ở Sarnath 250 Trước Dương Lịch hiện trưng bày ở Bảo Tàng Viện Sarnath (wikipedia).

Phần thứ nhất dưới cùng hình hoa sen, biểu tượng phổ quát của Phật giáo. Hoa sen mọc dưới nước cũng biểu tượng vùng nước cõi đất Trung Thế.

Phần hình chiếc trống ở giữa có khắc bốn con thú biểu tượng cho bốn phương trời: ngựa (hướng Tây, bò (Đông), voi (Nam) và sư tử (Bắc). Chúng cũng biểu tượng bốn dòng sông phát xuất từ hồ Anavatapta chảy vào thế giới như bốn dòng sông lớn chính. Mỗi con thú cũng có thể được nhận diện bởi mỗi một trong bốn hiểm nguy của vòng luân hồi (samsara). Các con vật chuyển vận nối tiếp nhau vô cùng vô tận, quay bánh xe của hiện hữu.

Bốn con sư tử ở trên trống, mỗi con quay về một hướng. Miệng há to đang gầm rống như đang truyền pháp, truyền Tứ Diệu Đế đi ra khắp bốn phương của cõi đất trần gian. Sư tử biểu tượng cho Phật, ngày xưa tộc Shakyamuni (Thích Ca Mâu Ni) là một chi của tộc Shakya có nghĩa là Sư Tử (vì thế mà ở cửa chùa nhất là chùa Phật Tổ Cồ Đàm thường để tượng sư tử). Ngoài ra sư tử còn là biểu tượng của trung tín và lãnh đạo và có thể là biểu tượng của vua Ashoka người đã cho dựng Pháp trụ (Karen Shelby).

Nguyên thủy bánh Xe Pháp để trên đầu bốn con sư tử, ở đây để ở dưới.

Dấu tích trụ tháp chính gốc còn giữ lại được Bánh Xe Pháp ở trên đầu sư tử thấy qua hình tháp làm phỏng theo của vua Mangrai dựng ở chùa U Mong gần Chiêng Mai, Thái Lan.



Trụ Pháp ở Chiangmai, Thái Lan (Wikipedia).

Nhìn theo vũ trụ giáo trụ có ba phần. Phần trên cùng là Bánh Xe Pháp hình mặt trời nằm trong không gian, nhìn theo nòng nọc, âm dương nhất thể ứng với thái cực và nhìn theo nòng nọc, âm dương phân cực riêng rẽ ứng với lưỡng nghi diễn tả vũ trụ, tạo hóa ứng với Thượng Thế. Phần chỏm tháp có hình sư tử có bờm biểu tượng cõi trời thế gian, vành bên tròn hình trống (có khi vuông) với bốn tượng thú ở bốn hướng ứng với tứ tượng biểu tượng cho cõi đất thế gian và phần hình bầu có hình cánh hoa sen biểu tượng cho cõi nước thế gian. Đây là ba tiểu thể của Trung Thế. Đế trụ ứng là cõi âm Hạ Thế và thân trụ là Trụ Thế Giới.

Nhìn tổng thể trụ Ashoka mang hình ảnh của Cây Vũ Trụ (Cây Tam Thế, Cây Đời Sống) có trục thế giới thông qua tam thế giống như cây Đèn Đá Cây Vũ Trụ, giống như cơ thể học của trống đồng hình Cây Năm Vũ Trụ Nguyễn Xuân Quang VI (Heger I) của đại tộc Đông Sơn. Bánh xe Pháp có mặt trời nằm trong vòng tròn bánh xe không gian giống hệt như mặt trời nằm trong vòng tròn vỏ không gian bao quanh đỉnh tia sáng ở tâm mặt trống đồng diễn tả Thượng Thế. Những con thú bốn chân ứng với vành thú hay người ở vùng đất dương mặt trống. Phần bầu hoa sen ứng với phần bầu phình tang trống có hình thuyền diễn tả vùng nước thế gian. Hai vùng này là Trung Thế. Đế trụ ứng với đế trống diễn tả Hạ Thế và thân trụ ứng với trụ trống (eo trống) diễn tả Trụ Thế Giới.

Cũng nên biết là trụ Ashoka đã có từ lâu trước thời Ashoka nên không phải do ông sáng tạo ra mà chỉ biến đổi đi cho thích ứng với Phật giáo. Chúng có lẽ đã chịu ảnh hưởng của các cây trụ Achaemenid Persia (Wikipedia).

Như thế trụ Ashoka mang ý nghĩa của Vũ Trụ Tạo Sinh của Vũ Trụ giáo có một khuôn mặt là trụ thế giới.

Ngày nay hình bốn con sư tử dựa vào nhau trên trụ Ashoka được dùng làm quốc biểu của Ấn Độ.



Bánh Xe Pháp của Ashoka được dùng trên lá cờ Ấn Độ.



Cờ có ba màu: phần trên màu nghệ (Kerasi), ở dưới là màu xanh lá cây và ở giữa màu trắng có Bánh Xe Ashoka màu xanh dương có 24 căm xe.



Trục bánh xe hình chấm vòng tròn có một nghĩa là mặt trời. Hai mươi bốn căm xe là 24 nọc tia sáng. Số 24 là số Khôn tầng 4 (0, 8, 16, 24). Trục bánh xe là mặt trời 24 nọc tia sáng Khôn Càn, vũ trụ, tạo hóa. Vành bánh xe là không gian. Nhìn toàn diện bánh xe Pháp Ashoka này là Càn Khôn, Vũ Trụ.

Cờ được giải nghĩa theo hiện nay là màu nghệ biểu hiện cho can đảm và hy sinh; màu trắng cho sự thật, hòa bình và trong sạch; màu xanh lá cây cho thịnh vượng và bánh Xe Ashoka cho Luật Pháp Law of Dharma (chính trực).

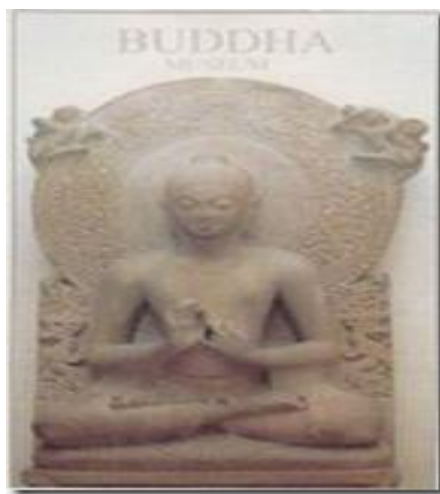
-Bảo Tàng Viện Khảo Cổ Học Sarnath.

Bảo Tàng có lưu trữ hai cổ vật quý giá nhất là

1. Phần chóp đỉnh Trụ Pháp Ashoka

đã nói ở trên

2. Một tượng Phật Chuyển Pháp Luân tinh xảo, nổi tiếng.



Phật Chuyển Pháp Luân giảng Pháp, thế kỷ thứ 5 tại Varnath (nguồn: bưu ảnh).

Phật có thủ ấn Chuyển Pháp Luân (dharma-chakka mudra): hai bàn tay để trước ngực sát nhau. Lòng bàn tay phải quay ra phía trước, ngón trỏ và cái làm thành vòng tròn diễn đạt bánh xe Pháp. Lòng bàn tay trái quay vào trong ngực ngón út quay bánh xe Pháp.

Lưu Ý:

+ *Phật giáo mang tính tĩnh, âm nên quay bánh xe Pháp bằng ngón út trái, âm.*

+ *Cần phân biệt thủ ấn Chuyển Pháp Luân với thủ ấn Giáo Hóa (vitarka muddra). Tổng quát thủ ấn giáo hóa được Đức Phật dùng khi giảng Pháp: tay phải đưa lên cao gai vai, lòng bàn tay quay về phía trước,*



ngón trỏ và ngón cái tạo thành vòng tròn bánh xe Pháp .Tay trái buông xuống, lòng bàn tay xoay ra trước.

Đặc biệt tượng Phật ở Sarnath này trên vầng hào quang biểu tượng thượng thế có hình hai người nhà trời (thiên nhân). Như đã nói ở trên Sarnath còn có tên là Isipatana có nghĩa là Nơi Thánh Nhân, bậc Giác Ngộ bỏ lại thân xác ở thế gian.

Như đã nói ở trên, tượng Phật ở chùa Mulagandha Kuti Vihara là bản sao chép lại của tượng này.

Các Cơ Sở Phật giáo Hiện Nay.

Quanh các thánh địa này có rất nhiều chùa của các quốc gia Phật giáo, trong đó có Việt Nam

Kết luận

Tóm lại Vườn Nai Sarnath là nơi khai sinh ra Phật giáo, một trong bốn thánh địa của Phật giáo.

Hãy ngồi xuống đây dưới tàn cây Bồ Đề tĩnh tâm lắng nghe lời Phật khuyên sống một đời theo Trung Đạo và nghe Phật giảng về Tứ Diệu Đế để tìm về con đường giải thoát.

TỔNG KẾT.

Cuộc hành hương đã đi theo dòng lịch sử Đức Phật Thích Ca qua các phế tích ‘tứ động tâm’ và yết kiến riêng Đức Dalai Lama.

Một chuyến đi:

.Để cung nghinh Đức Phật ra đời ở Vườn Lâm Tì Ni, để nhận ra Đức Phật là con người thật nhưng có cốt là Phật Vũ Trụ giáng thế tu tập thành Phật Người hầu giúp con người vượt qua bể khổ thế gian. Phật là Vũ Trụ (bao gồm cả Đại và Tiểu Vũ Trụ). Con người là tiểu vũ trụ con Phật Đại Vũ Trụ. Phật giáo là vũ trụ. Pháp Phật là Pháp Vũ Trụ. Luật Phật giáo là Luật Vũ Trụ. Con người có tâm vũ trụ, có tứ đại chung với tứ đại vũ trụ, có bản thể chung với vũ trụ, với Phật. Ông Phật là ông Bất Sáng (giác ngộ). Ông Bụt là ông Biết (Giác ngộ). Một người theo bước chân Phật tu tập cũng trở thành một kẻ Hiếu Biết đúng như Đức Phật đã nói: *“Ta là Phật đã thành, người là Phật sẽ thành”*. Hãy quyết tâm tu tập...

.Để thấy tận mắt những giọt mồ hôi tu tập khổ hạnh của Đức Phật còn vãi ra ở hình bóng Phật hiện còn in hằn trên vách hang động tu khổ hạnh và rồi theo gương Phật tu và sống một đời Trung Đạo và tiến tới giải thoát, giác ngộ. Tu. Tu và Tu. Tập, Tập và Tập. Tu Tập. Hành. Hành và Hành: Tu hành. Ta phải tự mình đốt đuốc lên mà đi. Không thần linh nào giúp được chúng ta...

.Để ngồi tĩnh tâm dưới bóng Bồ-đề trước tòa Kim Cương nơi Đức Phật ngồi thiền theo Trung Đạo đã thành đạo ở Bồ Đề Đạo Tràng để Thấy và Hiếu hai chữ Bồ Đề, tìm về Giác Ngộ...

.Để cảm thấy bánh xe Pháp ở Vườn Nai Sarnath còn quay mãi vòng quay Tứ Diệu Đế cùng với vòng khổ đau luân hồi của con người. Để tìm đường về Đạo, về giải thoát.

.Để ngửi mùi cỏ thơm còn phảng phất trong các lều cỏ thơm Đức Phật đã an cư và ngồi giảng Pháp.

Để ngửi thấy mùi hương thơm thoang thoang trong vô lượng thế giới của muôn vàn đóa hoa kinh của vòng hoa kinh Hoa Nghiêm ở Xá Vệ Thành.

.Để nghe lời giảng Pháp còn dư vang trong Càn Khôn, Trời Đất ở tòa giảng vũ trụ Đỉnh Kên Kên Linh Thứu...

.Để sờ thấy hơi ấm còn kết đọng lại ở những dấu chân Phật, những tảng đá, những tòa sen Đức Phật đã ngồi thiền định...

.Để ngồi xuống bệ đá phế tích Đại Học Phật giáo Nalanda mở ra đọc một trang kinh Hoa Sen (Nalanda có nàlas: cộng, cuống hoa sen và tin là tên Nalanda có nghĩa là ‘Người dâng tặng hoa sen’)... Đọc một trang kinh ở đây bằng đọc cả trăm, cả ngàn trang kinh ở chùa, ở nhà...

.Để đi vòng quanh bảo tháp hỏa táng Phật ở Kushinagar, đi vòng quanh bảo tháp xá lợi Phật ở Paprihwa, Ca Tỳ La Vệ, ở Vesali và nhiều nơi khác như đi một vòng Núi Vũ Trụ, Núi Thế Giới Meru, đi một vòng Cây Vũ Trụ (Cây Tam Thế, Cây Đời Sống), đi một vòng vũ trụ, đi một vòng Tâm Thân Tinh Anh Phật, đi một vòng xá lợi Phật, đi một vòng giáo Pháp Phật, đi một vòng tử sinh, đi một vòng luân hồi qua muôn kiếp, để **đập tắt tham, sân, si, để hiểu biết rõ tất cả pháp là vô ngã, vô thường, vô toại nguyện (khổ đau), để cầu mong tu tập đạt được giải thoát.**

Và cũng có duyên may được gặp riêng Đức Dalai Lama, một vị Phật sống của Phật giáo Tây Tạng, một tấm gương sáng, một đại nhân, đại sư dẫn dắt trên con đường tu học Phật và được Ngài ban phước lành...

.....

Một chuyến đi một đời, một chuyến đi để đời, một chuyến đi đổi đời...

*

* *

NGÀY VỀ: TRỞ LẠI TÂN DELHI.

Như đã nói ở trên chúng tôi trở lại Tân Delhi để chiêm bái xá lợi Phật trưng bày tại Bảo Tàng Viện Quốc Gia Tân Delhi và dự Lễ Hội Holi để nghỉ ngơi thư giãn trước khi về nhà.

-Chiêm Bái Xá Lợi Phật Tại Bảo Tàng Viện Quốc Gia New Delhi.

Đã nói ở các bài trước.

-Lễ Hội Holi.



Lễ Hội Holi.

Xin vắn tắt bằng vài hình ảnh ở đây (có dịp sẽ có bài viết riêng).

Holi là một ngày lễ trọng đại, một ngày Lễ của Màu Sắc, Tình Yêu và Mùa Xuân của Ấn Độ.

Ngày của màu Sắc.

Khách viếng thăm nhau vui đùa với phẩm màu. Ném, tạt, bắn nước màu thả cửa, thoải mái vào bạn bè hay người lạ đi qua.

Một đại gia Ấn Độ tổ chức mừng lễ Holi trong khách sạn mời chúng tôi, nhóm những người trở về lại Tân Delhi, tham dự.





Phẩm màu là sắc màu của lễ hội.



Chị Lan trong nhóm hành hương.



Dĩ nhiên có tiệc tùng ăn hút.

Chúng tôi được khuyên nên tránh xa những nơi đền chùa có lễ hội. Thật ra chúng tôi cũng đã sợ tới các chỗ đó vì tắm nước ở khách sạn xong bị ngứa ngáy, không ngủ... ngứa gì được.



Namaste!

Phố chợ đóng cửa vắng tanh như ngày mùng một Tết Việt Nam.



Ngược lại các tín hữu đắm trong màu sắc ở Đền Radha Krishna, Mathura, Ấn Độ (nguồn: Wikipedia).

Ngày của Tình Yêu.

Holi là ngày ăn mừng tình yêu bất tử của thần nữ Radha và thần nam Krishna. Radha là nữ thần tình yêu, tình thương và tận tụy, là hóa thân của nữ thần Lakshmi và của nữ thần Tối cao Mulaprakriti. *Krishna là một vị thần chính của Ấn giáo, là hóa thân thứ 8 của Vishnu và được thờ như một đấng Tối Cao, một vị thần bảo vệ, tình yêu, tình thương. Tên Krishna có gốc Phạn ngữ Kṛṣṇa có nghĩa chính là ‘đen’, ‘thâm’ và xanh da trời đậm. Krish- chính là Việt ngữ Kịt là đen: Đen Kịt (đen = kịt). Vì thế các hình tượng Krishna đều có các màu này.*



(nguồn: kamat.com).



Tượng Krishna ở Đền Sri Mariamman, Singapore (nguồn: Wikipedia).

Lưu Ý: Krishna là hóa thân thứ 8 của Vishnu thuộc dòng nòng, âm, Khôn. Số 8 là số Khôn. Khôn âm là thái âm, nước thái âm có màu đen vì vậy Krishna với khuôn mặt thái âm này có da màu đen. Khôn dương là thiếu âm: bầu trời, khí gió vì vậy Krishna với khuôn mặt thiếu âm có màu xanh da trời và hay thổi sáo.

Theo một truyền thuyết Krishna tuyệt vọng vì nước da mình đen đũi nên Radha không thèm ngó ngang đến mình. Mẹ Krishna thấy con rầu rĩ bèn xúi con ‘liều mạng’ tới gặp Radha và bảo nàng nếu chê mặt Krishna đen xấu thì nàng muốn sơn mặt như thế nào cho ưng ý thì tô vẽ theo ý nàng. Radha bôi sơn mặt Krishna theo ý mình rồi trở thành người si mê khuôn mặt Krishna do mình tô vẽ. Về sau hai người yêu nhau và thành vợ chồng.

Vì thế ngày lễ Holi là ngày của bôi, sơn mặt để... yêu thương nhau, là ngày của sắc màu.

Ngày Lễ Hội Mùa Xuân.

Holi là ngày đánh dấu mùa xuân bắt đầu. Ăn mừng Mùa Xuân tới, mùa đơm muôn hoa tình tình yêu.

Ở đây hoa gạo thay cho hoa đào nở đỏ trời chào đón mùa xuân ở dọc theo những con đường đi qua.



Hoa gạo ở bảo tháp Paprihwa, Ca Tỳ La Vệ (ảnh của tác giả).

Hoa gạo đỏ rực trời làm gợi nhớ tới những cây gạo ở làng quê xưa thời thơ ấu ở Bắc Việt. Hồi đó thích hoa đỏ đẹp nhưng không dám nhặt đem về. Tội bạn quê bảo là cây gạo có ma. Chúng nó viện dẫn ca dao chứng minh: *'Thần cây đa ma cây gạo'*...

Dưới diện mừng xuân này Holi tương tự như ngày Tết Việt Nam.

Ở đây nhiều nhà cũng dựng cây nêu giống hệt Việt Nam bằng cây tre cong trên đầu có treo cờ phướn...



Cây nêu (ảnh của tác giả).

.....

Không một nơi nào trên thế giới giống như người Ấn Độ vui chơi lễ hội chết bỏ xác trôi sông... Hằng. Nhờ lễ hội, nhờ thần linh, nhờ thần Nõ Nường Linga-Yoni có được một ngày hạnh phúc, no say, yêu thương vũ trụ, yêu trời đất, yêu thương đế, yêu tạo hóa, yêu thần linh, yêu thánh nhân, yêu ma quỷ, yêu con người, yêu súc vật, yêu sâu bọ, yêu cây cỏ ... quên đi đói khổ, cơ cực cả đời...

.....

Hết.

BS Nguyễn Xuân Quang

Nguồn: <https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2023/08/04/hnh-huong-dat-phat-13-vuon-nai-sarnath/>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8800 TÁC PHẨM